

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 07 – 5 – 2020
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ - TỈNH HẬU GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thanh Ngân.

- *Các hội thẩm nhân dân:*

Bà Trịnh Thị Trúc Linh

Bà Hồ Thị Út

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Nhiệm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Diện – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 275/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Chung Hữu T, sinh năm: 1978.

Địa chỉ cư trú: khu vực T, phường H, quận T, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1983.

Địa chỉ cư trú: Khu vực 5, phường A, thị xã M, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn anh Chung Hữu T trình bày: Vào năm 2002 anh và chị Nguyễn Thị H tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân thị trấn Cái Vồn, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 17/01/2002. Anh T và chị H chung sống hạnh phúc đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi và anh, chị đã ly thân từ năm 2004 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Chung Thị Kim Qn (nữ), sinh ngày 15/12/2001, con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại văn bản ngày 23/01/2020 bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Vào năm 2002 chị và anh T tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cái Vồn. Chị và anh T chung sống đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Nay anh T yêu cầu được ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung tên Chung Thị Kim Quyên (nữ), sinh ngày 15/12/2001, đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi tòa án thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán được phân công đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, gửi quyết định xét xử cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo thủ tục quy định về phiên tòa sơ thẩm. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70,71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa hiện đúng quy định tại Điều 70,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kiểm sát viên đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Chung Hữu T. Cho anh Chung Hữu T được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Chung Thị Kim Q (nữ), sinh ngày 15/12/2001 đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đương sự phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo biên bản xác minh ngày 18/02/2020 bị đơn chị Nguyễn Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu vực 5, phường Thuận An, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang nên căn cứ Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc Thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ.

Đối với bị đơn Nguyễn Thị H, trong quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Hương là chị của chị

H cùng nơi cư trú, nhưng chị H vắng mặt không lý do. Tuy nhiên chị H có gửi bản tự khai đến Tòa án, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Chung Hữu T và chị Nguyễn Thị H kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân thị trấn Cái Vồn vào ngày 17/01/2002 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H là hợp pháp được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Anh T và chị H chung sống hạnh phúc từ năm 2002 đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn tại phiên tòa anh T trình bày là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn về kinh tế gia đình, anh T và chị H đã ly thân từ năm 2004 cho đến nay. Tại bản tự khai ngày 23/01/2020 chị H cũng đồng ý ly hôn với anh T, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị H đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Chung Hữu T.

[4] Về con chung: Anh T, chị H có 01 con chung tên Chung Thị Kim Q (nữ), sinh ngày 15/12/2001, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không có, nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Không phát sinh, nên không xem xét.

[7] Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Chung Hữu T phải chịu 300.000 đồng.

[9] Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Và Điều 9; Điều 53; Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Chung Hữu T. Cho anh Chung Hữu T được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Chung Thị Kim Q (nữ), sinh ngày 15/12/2001, đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có, nên không xem xét.

Về nợ chung: Không phát sinh, nên không xem xét.

Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn anh Chung Hữu T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được chuyển 300.000 đồng từ tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu số 0000691 ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ thành án phí. Anh T đã nộp xong.

Nguyên đơn anh Chung Hữu T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án ngày 07/5/2020. Bị đơn chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS TX Long Mỹ;
- UBND thị trấn Cái Vồn, h. Bình Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thanh Ngân